

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ MỸ VÀ NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Lê Thị Vân Nga
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Trong mấy thập niên gần đây, toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một làn sóng mạnh mẽ. Cùng với trào lưu đó, đã xuất hiện hai xu hướng quan điểm khác nhau, một xu hướng ủng hộ toàn cầu hóa và một xu hướng chống toàn cầu hóa.

Có ý kiến cho rằng toàn cầu hóa chỉ đem lại lợi ích cho các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Thực tế, Mỹ có một nền kinh tế lớn vào bậc nhất thế giới, có quan hệ kinh tế với hầu hết các quốc gia trên thế giới, do đó Mỹ chịu tác động mạnh mẽ của làn sóng toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa mở ra cho nền kinh tế Mỹ cơ hội phát triển, khắc phục những khó khăn về kinh tế và tài chính, duy trì vai trò là một động cơ thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Rất có thể, những đổ vỡ bên trong nền kinh tế Mỹ sẽ kéo theo sự rạn nứt của nền kinh tế thế giới.

Một số người tin rằng toàn cầu hóa dường như chỉ đào sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo. Các quốc gia đang phát triển không những không được lợi từ quá trình toàn cầu hóa mà còn phải đối mặt với nhiều khó khăn nghiêm trọng. Song một số người tin rằng, mặc dù có những mặt tiêu cực không thể phủ nhận, nhưng để tiến đến một nền kinh tế thế giới phát triển ổn định, giảm nghèo đói và thất nghiệp, không thể không trải qua quá trình toàn cầu hóa. Bài viết này sẽ

xem xét các tác động của quá trình toàn cầu hóa đến nền kinh tế Mỹ và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của thế giới.

I. Những lợi ích của Mỹ trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

1. Tác động của tự do hóa thương mại đối với nền kinh tế Mỹ.

Là một siêu cường về kinh tế, nền kinh tế Mỹ có ảnh hưởng sâu sắc đến rất nhiều nền kinh tế khác trên thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế, với một biểu hiện là tự do hóa thương mại đã đem lại cho nước Mỹ những lợi ích to lớn, tăng cơ hội về việc làm và tiền lương, nâng cao mức sống của người dân.

Mỹ luôn có vai trò quan trọng đối với các hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), là đối tượng tham gia tích cực và thúc đẩy thực hiện các hiệp định thương mại toàn cầu. Có thể nói, toàn cầu hóa gắn liền với khu vực hóa. Với mục tiêu mở rộng thị trường, trong mấy thập niên qua, Mỹ đã ký kết và đàm phán rất nhiều hiệp định tự do thương mại khu vực và song phương. Trong đó, đáng chú ý là Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), khu vực thương mại tự do châu Mỹ (FTAA). Tháng 11/1998, Mỹ và Liên minh Châu Âu đã hoàn tất kế hoạch chung vì một quan hệ đối tác kinh tế xuyên Đại Tây Dương (TEP). Trong khuôn khổ Tổ chức Hợp tác

kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Mỹ là một nhân tố tích cực trong vai trò thúc đẩy việc triển khai chương trình cắt giảm thuế quan ở 8 lĩnh vực theo quy định.

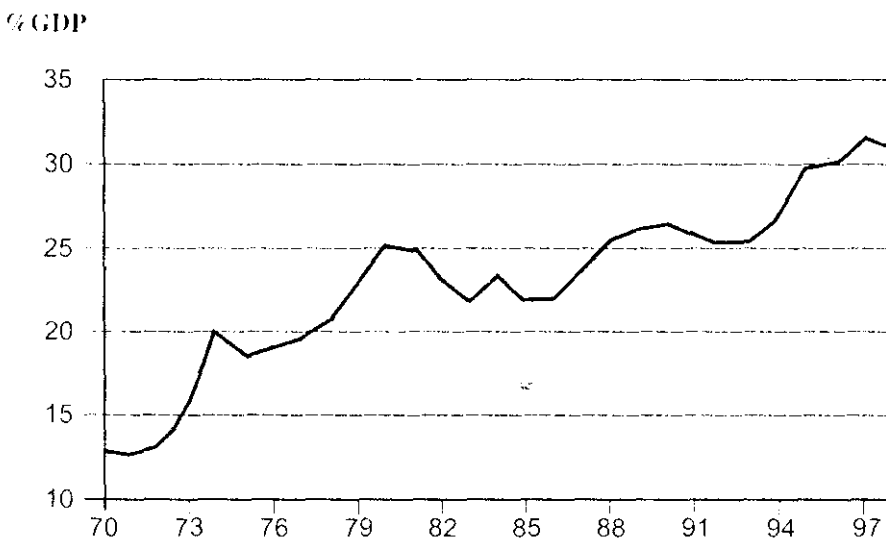
Năm 1970, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Mỹ chỉ chiếm 11% GDP, đến năm 2000 tỷ trọng này là 25,6%, tăng 132,7%, đạt mức tăng lớn nhất thế giới. Trong khoảng 10 năm từ 1992-2002, xuất khẩu của Mỹ chiếm khoảng 25% mức tăng trưởng kinh tế ở nước này.

Mỹ luôn chú trọng đến hoạt động xuất khẩu. Năm 2001, kể từ khi Tổng thống Bush lên nắm chính quyền, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ đạt 730,9 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2000. Năm 2003, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ là 1.018,7 tỷ USD, tăng 4,6% so với năm 2002. Chỉ trong 2 năm từ 2001 đến 2003, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ đã tăng 287,8 tỷ USD (hay 39,3%). Năm 2004, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ đạt 1.200 tỷ USD, trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới.

Đồng thời, Mỹ cũng là nước tiêu dùng lớn nhất thế giới. Giới tiêu dùng ở Mỹ được coi là trọng tâm trong chiến lược xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của các nhà sản xuất nước ngoài. Năm 2001, kim ngạch nhập khẩu của Mỹ đạt 1.180,9 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2000. Năm 2003, kim ngạch nhập khẩu là 1.508,6 tỷ USD, tăng 8,3% so với năm 2002. Trong hai năm, từ 2001 đến năm 2003, kim ngạch nhập khẩu của Mỹ tăng 327,7 tỷ USD (hay 27,7%). Kim ngạch nhập khẩu năm 2004 của Mỹ đạt tới 17.000 tỷ USD và Mỹ trở thành nước nhập khẩu lớn nhất thế giới.

Theo số liệu thống kê, tỷ trọng nhập khẩu của nền kinh tế Mỹ hiện nay cao hơn nhiều so với Nhật Bản và các nước phương Tây khác. Chỉ riêng năm 2001, tỷ trọng nhập khẩu của Mỹ đã chiếm 18,3% tổng kim ngạch nhập khẩu trong tổng giá trị thương mại của thế giới, trong khi đó Đức chỉ chiếm 7,7%, Nhật Bản chiếm 5,4%. Kim ngạch nhập khẩu của Mỹ cao hơn 5,2% so với tổng tỷ trọng của Đức và Nhật Bản cộng lại.

Đồ thị: Tâm quan trọng của thương mại trong nền kinh tế Mỹ



Nguồn: Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ, số liệu của Bộ Thương mại Mỹ.

2. Mỹ thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới

Trong tiến trình toàn cầu hóa, Mỹ là nước hưởng lợi nhiều nhất trong việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Đến nay, đầu tư nước ngoài vào Mỹ chiếm tới 1/3 tổng vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới.

Kể từ năm 1970, thương mại và đầu tư của Mỹ đã tăng nhanh gấp hai lần tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Cả đầu tư của nước ngoài vào Mỹ và đầu tư của Mỹ ra nước ngoài đều góp phần quan trọng vào hoạt động xuất nhập khẩu của Mỹ và tạo công ăn việc làm cho các ngành sản xuất trong nước.

Năm 2000, Mỹ thu hút tới 321,3 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Sau đó, đầu tư có phần giảm xuống kể từ sau năm 2000. Từ 2001 trở đi, do nền kinh tế không ổn định nên đầu tư nước ngoài vào Mỹ cũng lên xuống thất thường, nhưng xét về tổng thể, Hoa Kỳ vẫn là nước thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất thế giới. Đến năm 2004, FDI vào Mỹ lại bắt đầu tăng. Trong nửa đầu năm 2004, FDI vào Mỹ tăng 25,4% so với năm 2003.

Bên cạnh đó, Mỹ cũng là nhà đầu tư lớn vào nhiều nước trên thế giới. Kể từ 2002, dòng đầu tư ra nước ngoài của Mỹ bắt đầu cao hơn dòng đầu tư vào trong nước. Năm 2003, đầu tư ra nước ngoài của Mỹ đạt 173,8 tỷ USD, vượt qua con số 134,8 tỷ USD của năm 2002 mà chỉ kém đỉnh cao của năm 1999 (225 tỷ USD). Trong những năm qua, Mỹ luôn vượt qua Anh về lượng vốn đầu tư vốn ra nước ngoài.

3. Lợi ích thu được từ toàn cầu hóa kinh tế.

Lợi nhuận của các công ty của Mỹ ở nước ngoài tăng lên đáng kể. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, hạng mục đầu tư đã đem lại lợi nhuận lớn cho các công ty Mỹ.

Các dòng chảy tự do của thương mại và đầu tư có thể làm tăng thu nhập, giảm lạm phát, xuất hiện các nhà đầu tư mới trong một nền kinh tế đang phát triển.

Một trong những nguyên nhân hàng đầu giải thích cho hiện tượng bùng nổ kinh tế ở Mỹ vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX là sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu từ Mỹ tới các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, đặc biệt là các quốc gia châu Mỹ Latinh và khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Nhờ các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp và thị trường vốn linh hoạt, Mỹ có thể có được một vị trí vững mạnh trong nền kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế đã đưa Mỹ trở thành trung tâm thương mại đối với các khu vực châu Á và châu Mỹ.

Toàn cầu hóa có thể tạo cơ hội để Mỹ giải quyết khó khăn về kinh tế với tình trạng thâm hụt tài khoản vãng lai, thâm hụt thương mại và thâm hụt tài chính. Năm 2004, thâm hụt tài khoản vãng lai là 660 tỷ USD, thâm hụt thương mại là 600 tỷ USD, thâm hụt tài chính là 41 tỷ USD. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ - thước đo khái quát nhất của các luồng thương mại và đầu tư - là mối lo ngại hàng đầu đối với chính phủ Mỹ.

Xét trên phương diện kinh tế vĩ mô, chúng ta có đẳng thức sau đây: $S - I = X - M$.

Trong đó S là tổng tiết kiệm trong nước, I là đầu tư, X là xuất khẩu, M là nhập khẩu.

Từ đẳng thức trên, rõ ràng hiện tại Mỹ đang rơi vào tình trạng thâm hụt thương mại, tức là nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu do đó đầu tư trong nước lớn hơn tiết kiệm trong nước, khoản đầu tư vượt trội so với tiết kiệm trong nước này hiện nay chủ yếu được bù đắp bởi các nhà đầu tư nước ngoài - đặc biệt là các nhà đầu tư ở châu Á.

II. Toàn cầu hóa kinh tế và ảnh hưởng đối với nền kinh tế thế giới

Một số người cho rằng toàn cầu hóa thể hiện vai trò thống trị của Mỹ ngày càng rõ nét trong các hệ thống chính trị và kinh tế. Mặc dù toàn cầu hóa kinh tế không đồng nghĩa với Mỹ hóa, song quá trình này chủ yếu được thúc đẩy bởi người Mỹ. Các công ty của Mỹ đứng đầu trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính và công nghệ thông tin trên toàn cầu.

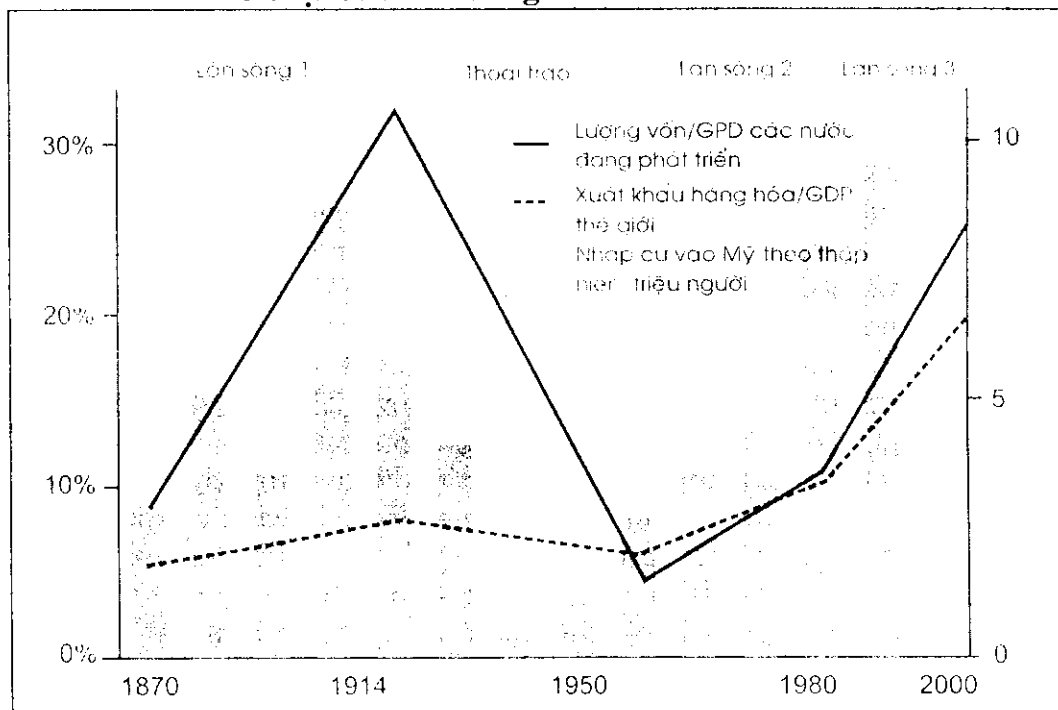
Ở một khía cạnh nào đó, toàn cầu hóa được hiểu là sự gia tăng mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, bao gồm việc giảm bớt các rào cản về thương mại, các dòng chảy của vốn, sự ảnh hưởng ngày càng cao của các thị trường và giá cả quốc tế. Toàn cầu hóa kinh tế đi kèm với việc dỡ bỏ các rào cản thương mại và đầu tư. Hàng hóa, dịch vụ và tiền tệ được lưu chuyển tự do hơn trên khắp thế giới. Các công ty toàn cầu, các nhà đầu tư hoạt động tự do hơn và có sức mạnh lớn hơn. Sức mạnh và ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia ngày càng tăng.

Các công ty xuyên quốc gia phát triển mạnh mẽ và ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới, kiểm soát gần 1/2 sản xuất công nghiệp của thế giới. Theo số liệu thống kê, giá trị tổng sản lượng hàng năm của các công ty xuyên quốc gia chiếm tới trên 40% giá trị tổng sản lượng của các nước phương Tây. Năm 1998, các công ty xuyên quốc gia đóng góp vào 64% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của toàn thế giới. Vào đầu những năm 1990, các công ty xuyên quốc gia đã đảm bảo việc làm cho khoảng 150 triệu người lao động trên thế giới, tương đương với 10% tổng số việc làm trong khu vực sản xuất phi nông nghiệp hiện nay.

Quá trình mở cửa, tự do hóa thị trường tài chính tiền tệ cùng với việc ứng dụng kỹ thuật hiện đại trong các nghiệp vụ tài chính đã đẩy nhanh tốc độ lưu chuyển vốn trên phạm vi toàn cầu. Tổng giá trị vốn đầu tư trực tiếp trên thế giới hiện nay đã lên đến khoảng 3.000 tỷ USD. Cuối năm, tổng giá trị vốn trên thị trường cổ phiếu ước tính đạt gần 20.200 tỷ USD. Từ thập kỷ 80 đến nay, tốc độ lưu thông vốn tăng 20%/năm, lưu lượng trao đổi vốn trên toàn cầu từ 5.000 tỷ USD năm 1980 đã gia tăng nhanh chóng, lên đến 35.000 tỷ USD năm 1996 và 83000 tỷ USD năm 2000.

Ngân hàng Thế giới đã xác định ba làn sóng toàn cầu hóa trong suốt giai đoạn kéo dài 130 năm từ 1870 đến 1914, thể hiện khá rõ tầm quan trọng của quá trình toàn cầu hóa kinh tế đối với toàn bộ nền kinh tế thế giới.

Đồ thị: Các làn sóng toàn cầu hóa từ 1870.



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2002)

Chỉ tiêu tổng giá trị xuất khẩu và tỷ trọng xuất khẩu trong GWP (Gross world product - tổng sản phẩm của thế giới) được tính toán từ năm 1950 đến năm 1998 đã thể hiện rõ tầm quan trọng của thương mại quốc tế và sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa.

Năm	Xuất khẩu (nghìn tỷ USD)	Tỷ trọng trong GWP (%)
1950	0,4	6
1955	0,5	6
1960	0,7	7
1970	1,5	9
1975	2,0	10
1980	2,6	11
1985	2,8	10
1990	3,7	12
1995	5,0	14
1998	5,4	14

Nguồn: Worldwatch Institute.

Một ví dụ về ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế là Mexico. Vào những năm đầu thập kỷ 90, nền kinh tế Mexico tăng trưởng mạnh do áp dụng

các chính sách thương mại tự do, thị trường tự do.

Nhờ áp dụng các chính sách thị trường tự do, Trung Quốc đã tăng sản phẩm quốc gia gấp bốn lần. Trong 8 tháng đầu năm 2005 (ngoại trừ tháng 7), kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc tăng hơn 30% mỗi tháng. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GAC), kim ngạch ngoại thương của nước này trong 9 tháng đầu năm nay đạt mức 1,025 tỷ USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong 3 quý đầu năm 2005, giá trị ngoại thương của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 590,21 tỷ USD, tăng 24,9%, cao hơn tỷ lệ tăng trưởng ngoại thương chung 1,2%. Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam cũng có những kết quả khởi sắc từ quá trình toàn cầu hóa thương mại và đầu tư.

Các kết quả hoạt động kinh tế cho thấy, quá trình toàn cầu hóa có vai trò thúc đẩy sự phát triển của phát triển

kinh tế, song nhiều người cho rằng toàn cầu hóa cũng biểu hiện nhiều khía cạnh tiêu cực, đặc biệt đối với các quốc gia nghèo.

Toàn cầu hóa cũng có thể gây ra tình trạng thất nghiệp hàng loạt và điều kiện làm việc xuống cấp. Chính sách tư nhân hóa các doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà nước, quá trình sáp nhập và mua lại trên quy mô toàn cầu, chính sách của chính phủ vốn chủ trương hỗ trợ những người nông dân nhỏ cung cấp các mặt hàng lương thực chủ lực cho thị trường trong nước, đã chuyển sang chủ trương thúc đẩy xuất khẩu. Sự thu hẹp của sản xuất nông nghiệp, quá trình toàn cầu hóa mạng lưới công nghệ thông tin, tin học hóa nền kinh tế... đã làm giảm một số lượng việc làm lớn trong nền kinh tế.

Toàn cầu hóa kinh tế dường như mở rộng thêm khoảng cách chênh lệch về phân phối thu nhập giữa các quốc gia và các khu vực. Các quy định bất bình đẳng của các nước giàu nhằm đem lại lợi riêng cho mình thường gây tổn hại đến những người nông dân, những người chủ doanh nghiệp, người lao động và những người dân đang cố gắng vượt qua tình trạng nghèo đói ở các nước đang phát triển. Những người nông dân bị buộc phải cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn, các hàng hóa nông phẩm của họ khó có thể vượt qua nông sản nhập khẩu giá rẻ do được trợ giá của Mỹ và châu Âu. Nhiều nông dân ở các nước đang phát triển mất đất và mất việc làm. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các nước đang phát triển bị tổn thất nặng nề do sự cạnh tranh của các công ty xuyên quốc gia.

Mặc dù đã xóa bỏ nhiều rào cản về thuế quan và thương mại, song Mỹ, EU và Nhật Bản vẫn tiếp tục áp đặt

thuế quan cao đối với các sản phẩm như đường, sữa, thịt, rau quả, hàng dệt may, thép, da giày... được nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Các sản phẩm đã chế biến bị đánh thuế cao hơn so với các nguyên liệu thô.

Đối với các nước đang phát triển, nông nghiệp thường là con đường duy nhất để tham gia vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Các nước đang phát triển cho rằng cơ chế hỗ trợ nông dân của Mỹ và EU là không công bằng và bóp méo thương mại tự do.

Một khía cạnh khác của toàn cầu hóa kinh tế là toàn cầu hóa trên lĩnh vực tài chính. Có thể nói đây là một quá trình chứa đựng nhiều rủi ro và khó đoán trước. Sự bất ổn định của nền kinh tế và sự mất lòng tin của các nhà đầu tư có thể gây ra những tổn thất nghiêm trọng về mặt kinh tế. Thực tế, đã có những cuộc khủng hoảng tài chính gây ra sự đổ vỡ trên quy mô lớn, chẳng hạn như các cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Argentina, Brazil, Chile, Mexico và Venezuela, hay cơn lốc khủng hoảng tiền tệ ở châu Á đều diễn ra vào thập kỷ 90.

Như vậy, quá trình toàn cầu hóa sẽ mang nhiều ý nghĩa tích cực hơn nếu các chính sách toàn cầu hóa chú trọng đến việc tạo dựng lòng tin đối với các nhà đầu tư dựa trên sự ổn định của nền kinh tế và hệ thống chính trị. Trong thương mại và đầu tư, các chính sách toàn cầu hóa phải đặc biệt quan tâm đến lợi ích của những người dân thường, đặc biệt là những người nghèo tại các nước đang phát triển. Toàn cầu hóa trước hết phải đảm bảo tính dân chủ. Các nước giàu nên mở cửa thị trường hơn nữa đối với sản phẩm của các nước đang phát triển và xóa bỏ trợ cấp - chính là nguyên nhân gây tổn hại cho các nhà sản xuất ở địa phương. Thương mại toàn cầu phải

cho phép các quốc gia đang phát triển tự do theo đuổi các chính sách củng cố nền kinh tế trong nước, không quá phụ thuộc vào việc thu hút đầu tư nước ngoài. Các chính sách toàn cầu hóa kinh tế phải tạo công ăn việc làm trong nước, hỗ trợ cho người nông dân và người lao động nghèo. Đầu tư toàn cầu cần đảm bảo cho các nước đang phát triển quyền điều tiết đầu tư để nó có thể góp phần vào sự phát triển vững mạnh của quốc gia. Thương mại và đầu tư quốc tế phải bảo vệ các quyền cơ bản của người lao động, đảm bảo mức lương tối thiểu cần thiết cho người lao động và điều kiện làm việc đầy đủ.

Nói tóm lại, các chính sách toàn cầu hóa cần tạo ra một nền kinh tế toàn cầu mới, một nền kinh tế không chỉ tăng trưởng ổn định hơn mà sự tăng trưởng trưởng này còn phải được chia sẻ một cách bình đẳng giữa các quốc gia.

Bài viết này xin được kết luận rằng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế không phải chỉ đem lại lợi ích cho nước Mỹ hay các nước công nghiệp phát triển, mà còn có vai trò thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế thế

giới, góp phần làm giảm tỷ lệ những người nghèo đói ở các nước có thu nhập thấp. Theo số liệu thống kê, trong giai đoạn từ 1987-1998, tỷ lệ nghèo đói trên thế giới đã giảm từ 28 xuống còn 24%. Tuy nhiên, làn sóng toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức không dễ gì vượt qua được, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển. Vì vậy, một giải pháp chung là sự nỗ lực của tất cả các quốc gia nhằm làm giảm bớt tình trạng bất bình đẳng về thu nhập, giải quyết thất nghiệp và hướng tới một nền kinh tế thế giới công bằng, dân chủ, tăng trưởng bền vững ■

Tài liệu tham khảo:

1. Tin Kinh tế Quốc tế năm 2004, 2005.
2. Tin Kinh tế các số tháng 10 năm 2005.
3. www.ifg.org
4. www.mcc.org/us/globalization/
5. www.epinet.org/subjectpages/trade.html
6. www.ndu.edu/inss/Strategic%20Assessments/sa99/02.pdf
7. www.wto.com
8. <http://econ.worldbank.org/prr/globalization/text-2857/>
9. <http://www.worldbank.org/prospects/gep2001/full.htm>
10. <http://www.nber.org/>